

Sử dụng nguồn nhân lực trong quá trình phát triển kinh tế ở Bắc Ninh / Nguyễn Thị Bền

1. Lý do chọn đề tài

Trong quá trình phát triển KT-XH hiện nay NNL được coi là một yếu tố quan trọng bậc nhất. Con người được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược cũng như sách lược phát triển. Thực tiễn cho thấy, nhiều nhà hoạch định chính sách đã quan tâm đến vấn đề làm thế nào để sử dụng có hiệu quả nguồn lực quan trọng này. Giải quyết việc sử dụng NNL là vấn đề đang cần được quan tâm đặc biệt.

Việt Nam được đánh giá là quốc gia có dân số đông, trẻ, lực lượng lao động dồi dào, lao động cần cù, khéo léo, thông minh, nhạy cảm. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay nước ta còn thiếu vốn, tài nguyên thiên nhiên chưa nhiều, khoa học công nghệ chưa cao. Thực tế trên đòi hỏi chúng ta phải khai thác thế mạnh về NNL, tận dụng nguồn lực tại chỗ để phát triển kinh tế không để cho dân số đông trở thành lực cản cho sự phát triển.

Bắc Ninh là tỉnh đang được đầu tư mạnh mẽ cả nội lực và ngoại lực để phát triển kinh tế. NNL ở Bắc Ninh là một bộ phận trong lực lượng lao động của đất nước mang đầy đủ đặc điểm của NNL Việt Nam. Hơn nữa, Bắc Ninh là tỉnh giáp danh với thủ đô Hà Nội, nằm trong tam giác kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Do đó, việc sử dụng hiệu quả NNL ở đây không tách rời những điều kiện chung của đất nước. Song, ở Bắc Ninh cũng có những đặc điểm riêng đòi hỏi những phương hướng và giải pháp cụ thể phù hợp để sử dụng có hiệu quả NNL nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế ở tỉnh nói riêng và cả nước nói chung.

Với những lý do trên, chủ đề ***“Sử dụng nguồn nhân lực trong quá trình phát triển kinh tế ở Bắc Ninh”*** được chọn làm đề tài cho luận văn thạc sỹ này với mong muốn mang đến cái nhìn toàn diện, phong phú và đầy đủ hơn về vai trò của nguồn lực con người trong phát triển kinh tế nói chung và trong phát triển kinh tế ở Bắc Ninh nói riêng.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Sử dụng hiệu quả NNL có vị trí quan trọng trong mục tiêu phát triển kinh tế nên vấn đề này đã được nhiều nhà khoa học và những nhà hoạch định chính sách quan tâm. Tuy nhiên, trong sự phát triển như vũ bão của khoa học, công nghệ thì việc làm thế nào để sử dụng có hiệu quả NNL là vấn đề cần được quan tâm đặc biệt và cần có sự nghiên cứu đầy đủ hơn.

Gần đây có nhiều bài viết tập trung vào những vấn đề liên quan đến những khía cạnh khác nhau trong việc sử dụng NNL.

Tác giả Trần Kim Hải trong luận án tiến sỹ kinh tế: *“Sử dụng nguồn nhân lực trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta”* đã trình bày một số khái niệm về NNL và những khía cạnh cơ bản trong sử dụng NNL; đưa ra một số giải pháp có tác động mạnh đến việc sử dụng NNL ở Việt Nam.

Tác giả Phan Văn Kha trong cuốn sách: *“Đào tạo và sử dụng nhân lực trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam”* Nxb Giáo dục 2007 trình bày cơ sở lý luận và mối quan hệ giữa đào tạo và sử dụng nhân lực trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Thực trạng và giải pháp tăng cường mối quan hệ giữa đào tạo và sử dụng nhân lực ở các cấp trình độ.

Tác giả Ngọc Trung trong bài viết: *“Làm thế nào để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực”* đã đề cập những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng NNL đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về NNL có trình độ, tay nghề cao.

Tác giả Phạm Kiên Cường trong luận án: *“ Tổ chức và sử dụng có hiệu quả nguồn lao động xã hội của Việt Nam trong lĩnh vực đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài”*.

Tuy khai thác ở những khía cạnh khác nhau nhưng nhìn chung các tác giả đều khẳng định vai trò quan trọng của NNL và sử dụng có hiệu quả NNL là yêu cầu tất yếu để đạt được những mục tiêu phát triển KT-XH trong những năm gần đây.

Nghiên cứu vấn đề sử dụng NNL ở Bắc Ninh cũng đã được đề cập đến trong một số bài báo đăng trên các tạp chí nhưng chưa được trình bày một cách hệ thống. Tuy nhiên, thực tiễn việc sử dụng NNL ở Bắc Ninh trong

quá trình phát triển kinh tế có những đặc điểm riêng cần có sự khái quát và có giải pháp phù hợp.

3. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài

**** Mục đích:***

Trên cơ sở phân tích lý luận về tầm quan trọng, ý nghĩa thực tiễn của sử dụng NNL, luận văn làm rõ yêu cầu, xu hướng phổ biến của sử dụng NNL trong sự nghiệp phát triển kinh tế của đất nước. Từ đó giải quyết những vấn đề quan trọng để sử dụng có hiệu quả NNL ở Bắc Ninh hiện nay.

**** Nhiệm vụ:***

Hệ thống hoá những vấn đề lý luận về NNL và sử dụng NNL trong quá trình phát triển kinh tế.

Phân tích yêu cầu, xu hướng, đặc điểm của sử dụng NNL trong phát triển kinh tế.

Phân tích những thuận lợi, khó khăn và hạn chế trong sử dụng NNL để phát triển kinh tế ở Bắc Ninh

Đề xuất một số phương hướng, giải pháp tác động đến hiệu quả sử dụng NNL trong phát triển kinh tế ở Bắc Ninh.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

**** Đối tượng nghiên cứu:***

Luận văn lấy việc sử dụng NNL trong quá trình phát triển kinh tế làm đối tượng nghiên cứu.

**** Phạm vi nghiên cứu:***

Lấy Bắc Ninh làm không gian nghiên cứu và giới hạn về thời gian khảo sát từ năm 2000 đến nay.

Các giải pháp đề cập trong luận văn là những giải pháp cơ bản nhìn từ góc độ kinh tế chính trị.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

**** Cơ sở lý luận:***

Lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và các luận điểm khoa học của các nhà khoa học về những vấn đề liên quan đến đề tài luận văn.

**** Phương pháp nghiên cứu:***

Trên cơ sở phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử luận văn sử dụng phương pháp khác như trừu tượng hoá khoa học, phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, hệ thống hoá.

6. Đóng góp của luận văn

Làm rõ thêm cơ sở lý luận và thực tiễn về NNL trong mối quan hệ với sử dụng NNL.

Đề xuất phương hướng và giải pháp cơ bản để sử dụng có hiệu quả NNL của Bắc Ninh trong quá trình phát triển kinh tế.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo luận văn gồm 3 chương 7 tiết.

Chương 1. Nguồn nhân lực và xu hướng chủ yếu của sử dụng nguồn nhân lực trong quá trình phát triển kinh tế.

Chương 2. Thực trạng sử dụng nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế ở Bắc Ninh

Chương 3. Phương hướng và giải pháp cơ bản nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực của Bắc Ninh trong phát triển kinh tế giai đoạn tới.

Chương 1

NGUỒN NHÂN LỰC VÀ XU HƯỚNG CHỦ YẾU CỦA SỬ DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1.1. Nguồn nhân lực và vấn đề sử dụng nguồn nhân lực trong quá trình phát triển kinh tế

1.1.1. Các quan niệm về nguồn nhân lực

NNL là khái niệm đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học dưới những góc độ khác nhau như: *lý luận về tăng trưởng kinh tế, lý luận về vốn người, quan niệm của ngân hàng thế giới, quan niệm của liên hiệp quốc, quan niệm của UNDP* và nhiều quan điểm của các nhà khoa học nghiên cứu về vấn đề này. Tuy xem xét ở những khía cạnh khác nhau nhưng nhìn chung NNL được biểu hiện trên hai mặt số lượng và chất lượng:

- Về số lượng: NNL phụ thuộc vào thời gian làm việc có thể có được của cá nhân và quy mô độ tuổi lao động của mỗi quốc gia. Ở Việt Nam hiện nay, Luật Lao động quy định độ tuổi lao động đối với nam từ 15 - 60 tuổi, đối với nữ từ 15 - 55 tuổi.

- Về chất lượng: NNL được biểu hiện ở thể lực, trí lực, tinh thần, động cơ, thái độ, ý thức văn hoá, văn hoá lao động công nghiệp, phẩm chất tốt đẹp của người công dân đó là yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội.

Từ những vấn đề nêu trên có thể thấy rằng ả ả L được đề cập đến như một nguồn vốn tổng hợp với các yếu tố hợp thành: sức lực và trí lực, số lượng cùng các đặc trưng về chất lượng lao động như trình độ văn hoá, kỹ thuật, kinh nghiệm nghề nghiệp, thái độ và phong cách làm việc. Ở đây con người được xem xét với tư cách là một yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, một nguồn lực chủ yếu để phát triển KT - XH.

1.1.2. Sự cần thiết khách quan phải sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực

ả ả L được đề cập đến như một nguồn vốn tổng hợp. Sử dụng ả ả L tức là tiêu dùng sức lao động của con người trong quá trình lao động sản xuất để tạo ra của cải vật chất, tinh thần phục vụ các nhu cầu sản xuất và nhu cầu tiêu dùng của con người trong xã hội. Sử dụng ả ả L được hiểu là việc khơi dậy và phát huy tất cả những khả năng của con người thành hiện thực, biến sức lao động thành lao động trong quá trình phát triển KT - XH.

Trong quá trình phát triển kinh tế ở nước ta việc khai thác, sử dụng ả ả L có thể được xem xét ở các khía cạnh sau:

Một là, ả ả L được biểu hiện ra là nguồn lao động nó bao gồm toàn bộ những người lao động đang có khả năng phục vụ cho xã hội và các thể hệ nối tiếp, vì vậy sử dụng ả ả L trước hết là sử dụng lực lượng lao động sản xuất. Tạo việc làm và sử dụng có hiệu quả nhất ả ả L hiện có là yêu cầu cơ bản và chủ yếu của sử dụng ả ả L.

Hai là, lao động trí tuệ, lao động qua đào tạo là yếu tố giữ vai trò quan trọng hàng đầu của ả ả L, do vậy cần coi trọng và phát huy tiềm năng của ả ả L qua đào tạo.

Ba là, phải chuyển việc sử dụng lao động theo chiều rộng sang khai thác sử dụng theo chiều sâu.

Trong bất kỳ giai đoạn nào để phát triển KT - XH cũng cần phải coi trọng việc khai thác, phát huy và nâng cao hiệu quả sử dụng ả ả L, dựa trên điều kiện hoàn cảnh cụ thể của từng địa phương, từng vùng miền.

1.1.3. Vai trò của yếu tố con người trong quá trình phát triển kinh tế

1.1.3.1. Khái niệm phát triển kinh tế

Phát triển kinh tế là quá trình lớn lên, tăng tiến mọi mặt của nền kinh tế. ả ó bao gồm sự tăng trưởng về kinh tế đồng thời có sự hoàn chỉnh về mặt cơ cấu, thể chế kinh tế, chất lượng cuộc sống.

1.1.3.2. Vai trò của nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế

* Trong tất cả các nguồn lực để phát triển kinh tế, ả ả L có ưu thế nổi bật ở chỗ nó không bị cạn kiệt đi trong quá trình khai thác và sử dụng mà còn có khả năng tái sinh và phát triển. ả ó chính là nguồn lực cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

* ả ước ta tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nền nông nghiệp lạc hậu, hiện nay các nguồn lực với tư cách tiền đề để đưa nước ta tiến hành Cẩ H, HĐH còn hạn chế cả về khoa học công nghệ, cơ sở hạ tầng, dịch vụ, vốn.

* Dân số nước ta hiện nay là trên 80 triệu người trong đó khoảng 50 triệu người trong độ tuổi lao động, người lao động được đánh giá là cần cù, chịu khó, thông minh... Vì vậy so với bất cứ nguồn lực nào khác nguồn lực con người chiếm vị trí trung tâm, đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển KT - XH của đất nước. Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng

Sản Việt ả am lần thứ VIII đã khẳng định: “*lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững*”.

* Sử dụng hiệu quả ả ả L góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.

1.2. Nội dung, nhân tố ảnh hưởng và xu hướng sử dụng nguồn nhân lực trong quá trình phát triển kinh tế

1.2.1. Nội dung của sử dụng nguồn nhân lực

ả ội dung sử dụng ả ả L bao hàm việc phân bổ hợp lý, khai thác, sử dụng hết lực lượng lao động, giải quyết việc làm cho mọi người có nhu cầu làm việc và sử dụng các biện pháp kích thích hiệu quả đến nguồn lao động; kết hợp khai thác, sử dụng với đào tạo, bồi dưỡng ả ả L để nâng cao hiệu quả sử dụng, nâng cao chất lượng việc làm và tăng quỹ thời gian lao động được sử dụng.

Việc sử dụng ả ả L trong điều kiện hiện nay phải tính tới cả vấn đề toàn dụng lao động, phân bổ hợp lý, nâng cao hiệu quả sử dụng và bồi đắp ả ả L.

1.2.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến sử dụng nguồn nhân lực

1.2.2.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến số lượng nguồn nhân lực

- Tốc độ tăng dân số: tốc độ tăng dân số là sự gia tăng về dân số hay sự biến động dân số ở mỗi vùng, mỗi địa phương hay mỗi quốc gia.

- Độ tuổi: hiện nay ở nước ta những người trong độ tuổi lao động chiếm tỷ lệ cao trong tổng dân số và được phân bổ trong tất cả các ngành của nền kinh tế quốc dân.

- Thu nhập và điều kiện sống: ở đâu có thu nhập cao và điều kiện sống tốt thì ở đó là nơi có sức hấp dẫn lớn đối với sự di chuyển của dòng người từ nơi khác đến.

1.2.2.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực

Chất lượng ả ả L là trình độ, năng lực thể chất hay năng lực tinh thần cấu thành lực lượng lao động xã hội. Chất lượng ả ả L bao gồm thể lực, trí lực, trình độ văn hoá và phẩm chất đạo đức.

* *Các yếu tố liên quan đến thể chất của NNL.*

ả ới đến thể lực tức là nói đến tình trạng sức khoẻ của ả ả L bao gồm cả yếu tố vật chất lẫn tinh thần và phải đảm bảo được sự hài hoà giữa bên

trong và bên ngoài vì thế nó phụ thuộc vào trình độ phát triển KT - XH, phân phối thu nhập và chính sách xã hội của mỗi quốc gia.

** Các yếu tố liên quan đến trí lực của NNL.*

Trí lực của ả ả L thể hiện ở trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng nghề nghiệp của lực lượng lao động.

- Trình độ học vấn thể hiện ở sự hiểu biết của người lao động về những kiến thức tự nhiên, xã hội, được cung cấp thông qua hệ thống giáo dục đào tạo chính quy, không chính quy, quá trình tự học suốt đời của người lao động.

- Trình độ chuyên môn kỹ thuật: Trình độ chuyên môn của người lao động là kiến thức, sự hiểu biết, khả năng thực hành về một chuyên môn nào đó, nó có được nhờ đào tạo ở các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và sau đại học... trong toàn bộ lực lượng lao động ở các cơ sở đó.

- Các yếu tố về phẩm chất đạo đức, tập quán, truyền thống văn hóa của dân tộc là những yếu tố vô hình không thể định lượng được bằng những con số cụ thể nhưng lại là những yếu tố quan trọng quy định bản tính của ả ả L và đóng vai trò quyết định sự phát triển bền vững của quốc gia.

1.2.2.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến sử dụng nguồn nhân lực

Với những đặc điểm KT- XH và đặc điểm ả ả L của nước ta hiện nay, việc sử dụng hợp lý ả ả L chịu ảnh hưởng của những nhân tố:

** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.* Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, thực hiện quy hoạch phát triển trên các vùng lãnh thổ sẽ tạo ra nhu cầu lớn cho thu hút lao động, đòi hỏi phải chuyển dịch cơ cấu lao động và tổ chức điều chỉnh phân bố lao động.

- ả hu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ sang công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ kéo theo sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp và nâng tỷ trọng lao động trong các ngành công nghiệp, dịch vụ.

- Cùng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, các trang thiết bị trong sản xuất và kinh doanh cũng ngày càng thay đổi theo hướng hiện đại, do đó đòi hỏi phải có ả ả L phù hợp để có thể sử dụng hiệu quả các trang thiết bị hiện có. ả hư Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng dạy: “*Xem*

người ấy xứng với việc gì, nếu người có tài mà dùng không đúng tài của họ cũng không được việc”.

** Thị trường lao động và cơ chế chính sách tuyển dụng.*

Cơ chế chính sách tuyển dụng ả ả L là yếu tố có ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả khai thác, sử dụng ả ả L. Trong cơ chế cũ, ả hà nước chủ trương kế hoạch hoá từ việc đào tạo ả ả L, tuyển dụng, sử dụng cho đến khi thôi việc. Hiện nay việc tuyển dụng theo cơ chế thị trường lao động nào đáp ứng được yêu cầu của đơn vị tuyển dụng thì người đó có việc làm. Cơ chế này một mặt làm tăng hiệu quả sử dụng lao động còn mặt khác góp phần điều chỉnh quan hệ giữa cầu với cung.

1.2.3. Xu hướng sử dụng nguồn nhân lực trong quá trình phát triển kinh tế

Xu hướng phổ biến của việc sử dụng ả ả L trong quá trình phát triển kinh tế đều mang những nét chủ yếu sau:

1.2.3.1. Coi con người là nguồn lực cơ bản để tăng trưởng và phát triển kinh tế

Con người trong bất kỳ hình thái xã hội nào cũng đều là nhân tố trung tâm của quá trình sản xuất. Hướng ưu tiên đầu tư vào con người đã được nâng lên hàng quốc sách ở hầu hết các nước trên thế giới hiện nay.

1.2.3.2. Khai thác tiềm năng trí tuệ, phát huy năng lực sáng tạo trở thành yêu cầu chủ yếu của sử dụng NNL

Cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện nay đã tác động và làm biến đổi mạnh mẽ lao động xã hội theo hướng tăng tỷ trọng của lao động trí tuệ, giảm bớt các hoạt động chân tay, làm cho lao động trí tuệ trở thành mặt hoạt động cơ bản của con người.

1.2.3.3. Giáo dục đào tạo được ưu tiên phát triển nhằm nâng cao chất lượng NNL trở thành yêu cầu cơ bản của sử dụng nhân lực

Để khai thác và phát huy hiệu quả tiềm năng con người, cần phải có ả ả L có chất lượng cao trên các mặt văn hoá - xã hội, chuyên môn nghề nghiệp, tri thức khoa học... Trong tất cả các biện pháp và chính sách nhằm nâng cao chất lượng, giáo dục đào tạo là vấn đề có ý nghĩa quan trọng hơn cả.

1.2.3.4. Tổ chức quản lý và sử dụng linh hoạt NNL được thay thế cho sử dụng đại trà

Xu hướng chuyển từ sử dụng đại trà đội ngũ cán bộ sang ưu tiên thu hút các bộ phận có trình độ chuyên môn cao, hiểu biết rộng đang trở nên phổ biến và là đặc trưng nổi bật của việc sử dụng ả ả L trong điều kiện cách mạng khoa học công nghệ hiện nay.

1.2.3.5. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phát triển và sử dụng nhân lực trở thành xu thế phổ biến trong điều kiện hiện nay

Với sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện nay xu hướng khu vực hoá, toàn cầu hoá sản xuất và đời sống kinh tế xã hội ngày càng trở nên tất yếu. Hợp tác quốc tế trong đào tạo, sử dụng ả ả L là xu hướng phổ biến trong điều kiện ngày nay.

Quán triệt những yêu cầu của việc sử dụng ả ả L trong điều kiện cách mạng khoa học công nghệ hiện nay, vận dụng chúng phù hợp với hoàn cảnh Việt ả ả là hết sức cần thiết và đó cũng là con đường cơ bản để nhanh chóng rút ngắn khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển giữa nước ta với thế giới.

Chương 2

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở BẮC NINH

2.1. Những thuận lợi và khó khăn của sử dụng nguồn nhân lực trong quá trình phát triển kinh tế ở Bắc Ninh

2.1.1. Tổng quan đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội ở Bắc Ninh

- Vị trí địa lý: Bắc ảnh thuộc phía Bắc Đồng bằng Sông Hồng, tiếp giáp vùng trung du Bắc Bộ tại Bắc Giang, là cửa ngõ phía Đông của thủ đô Hà ảội. Bắc ảnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm: tam giác tăng trưởng kinh tế phía Bắc: Hà ảội - Hải Phòng - Quảng ảnh, có các đường giao thông quan trọng chạy qua, nối liền tỉnh với các trung tâm kinh tế, thương mại và văn hoá của miền Bắc.

- Địa hình Bắc ảnh tương đối bằng phẳng, có hướng dốc chủ yếu từ Bắc xuống ả am và từ Tây sang Đông được thể hiện qua các dòng chảy bề mặt đổ về sông Đuống và sông Thái Bình.

- Về dân cư lao động: Bắc ảnh hiện có 1.026.715 người, phân bố ở một thành phố, một thị xã và 6 huyện lỵ. Trong đó dân số nông thôn chiếm 76,5%, dân số thành thị chiếm 23,5%. Dân số Bắc ảnh trẻ với trên 60% trong độ tuổi lao động.

- Về KT-XH: Tốc độ tăng tăng trưởng kinh tế đạt 15,1%/năm giai đoạn 2006-2009. Trong đó khu vực nông - lâm - thuỷ sản tăng 44,9%, khu vực công nghiệp xây dựng tăng 21,4%, khu vực dịch vụ tăng 13,4%. Mức sống của người dân ngày càng được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 15,24% năm 2005 xuống còn 9,6% năm 2007 (theo tiêu chuẩn số 1751/LĐT BXH).

Cơ cấu kinh tế của Tỉnh từng bước chuyển dịch theo hướng Cẩ H, HĐH. Tỷ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng cơ bản tăng nhanh từ 23,77% năm 1997 lên 51,01% năm 2007, tỷ trọng khu vực dịch vụ tăng từ 22,18 % năm 1997 lên 33,34 % năm 2007, khu vực nông lâm nghiệp và thuỷ sản giảm từ 54,05% năm 1997 xuống 18,65% năm 2007.

2.1.2. Những thuận lợi và khó khăn

2.1.2.1. Về thuận lợi

(1) Điều kiện tự nhiên, vị trí địa lí có nhiều thuận lợi. Với địa hình chủ yếu là đồng bằng, gần các trung tâm kinh tế, chính trị lớn, gần sân bay quốc tế ở ô Bải, cảng biển Hải Phòng, cửa khẩu Lạng Sơn, Móng Cái, giao thông đi lại dễ dàng, là nơi thu hút các nhà đầu tư, các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

(2) Bắc ả inh có tiềm năng phát triển công nghiệp rất lớn, hiện nay toàn tỉnh có 15 khu công nghiệp tập trung với tổng diện tích 7.525 ha trong đó 10 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động, hình thành các khu công nghiệp, đô thị hiện đại, thu hút đầu tư của các tập đoàn kinh tế đa quốc gia như: Canon, Samsung...

(3) Sự quan tâm của Tỉnh Ủy và Ủy ban ả hân dân tỉnh đến sự nghiệp giáo dục, đào tạo để phát triển ả ả L đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới. ả ghi quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc ả inh lần thứ XVIII xác định: *“Triển khai đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, thực chất, mũi nhọn ở các cấp học... Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục đào tạo, huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế, nâng cao chất lượng NNL nhất là NNL có trình độ cao..., ”*.

(4) Bắc ả inh là cửa ngõ của thủ đô Hà ả ôi nên gần các trường Đại học, Cao Đẳng của quốc gia, các viện nghiên cứu và gần tam giác tăng trưởng kinh tế của khu vực Bắc Bộ nên nhận được nhiều ảnh hưởng theo chiều thuận lợi với việc đào tạo và sử dụng ả ả L.

2.1.2.2. Về khó khăn

* Bắc ả inh là tỉnh có diện tích nhỏ nhất cả nước, mật độ dân số vào loại cao. Số người trong độ tuổi lao động chiếm tỷ lệ cao trong dân số. Hiện nay số lao động có trình độ kỹ thuật tay nghề cao còn ít, tỷ lệ lao động qua đào tạo mới chỉ dừng lại ở con số khiêm tốn khoảng 25%.

* Công tác đào tạo nghề còn thấp xa so với nhu cầu thực tế. Đặc biệt là vấn đề phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông và sử dụng học sinh trung học chuyên nghiệp đã tốt nghiệp ra trường.

* Các cơ sở đào tạo nghề chưa nhiều, nguồn tài chính, cơ sở vật chất và thiết bị đều thiếu và lạc hậu trong khi nhu cầu của xã hội đối với giáo dục đào tạo tăng nhanh.

* Ở Bắc ả inh tuy có các làng nghề truyền thống, nhưng số lao động và tỷ lệ thời gian lao động được sử dụng chưa cao, lao động ở nông thôn vẫn mang tính chất mùa vụ nên thất nghiệp theo mùa, hiệu quả sử dụng lao động thấp.

ả hìn chung, Bắc ả inh là nơi hội tụ nhiều tiềm năng thuận lợi để phát triển một nền kinh tế đa dạng, phong phú và có sức hút lớn với các đối tác đầu tư. Song để có thể khai thác tốt tiềm năng của tỉnh trong quá trình phát triển kinh tế cần kết hợp thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp trong đó giải pháp đúng đắn về sử dụng ả ả L có vai trò rất quan trọng.

2.2. Thực trạng sử dụng nguồn nhân lực trong quá trình phát triển kinh tế ở Bắc Ninh những năm vừa qua

2.2.1. Tổng quát tình hình thu hút, phân bố và sử dụng lao động

Bắc ả inh hiện có số dân trên 1 triệu người trong đó khoảng 61,9% trong độ tuổi lao động. Trong số 624.909 lao động có khoảng 80% tham gia hoạt động kinh tế. Phần lớn lao động tập trung ở khu vực nông thôn. Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn đạt 83%.

* *Lao động tập trung chủ yếu trong nông nghiệp.* Với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật được ứng dụng trong nông nghiệp làm cho thời gian mùa vụ rút ngắn rất nhiều, nhu cầu đối với lao động ngày càng giảm sút.

* *Việc phân bố và sử dụng lao động ở Bắc Ninh diễn ra không đồng đều và mất cân đối,* đặc biệt quan hệ cung - cầu lao động giữa các vùng, khu vực, ngành nghề.

* *Lao động làm việc trong các khu vực kinh tế có sự chênh lệch lớn.* Chỉ có 33.198 (2009) người kiếm được việc làm ở khu vực nhà nước, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài là 22.618 người (2009), trong khi ở khu vực kinh tế ngoài nhà nước có tới 529.697 người (2009).

* *Bắc Ninh hiện có 61 làng nghề với nhu cầu về lao động rất lớn.* Lao động làm việc tại các làng nghề có thu nhập khá cao, quá trình vừa học vừa làm giảm chi phí cho việc học nghề nên thu hút được nhiều lao động.

* *Việc phân bố, sử dụng lao động qua đào tạo ở Bắc Ninh cũng vẫn còn nhiều điểm chưa hợp lý.*

ả hìn chung sự phân bố, sử dụng lao động trên địa bàn Bắc ả inh còn nhiều bất cập không chỉ trong khu vực thành thị với nông thôn, khu vực

nhà nước với tư nhân mà trong các làng nghề truyền thống vốn được coi là thế mạnh của Bắc Ā ĩnh cũng chưa hợp lý.

2.2.2. *Thực trạng sử dụng lao động trong các ngành kinh tế*

- Trong những năm gần đây số lao động đang làm việc tập trung chủ yếu trong ngành nông - lâm nghiệp và công nghiệp chế biến.

- Về cơ cấu lao động, tỷ trọng lao động khu vực công nghiệp - xây dựng tăng từ 27,4 % năm 2007 lên 33,0% năm 2010. Khu vực dịch vụ tăng từ 17,6% năm 2007 lên 24,2% năm 2010; còn khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 55,0% năm 2007 xuống còn 42,8% năm 2010.

- Trong 5 năm, 2006-2010, toàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho 108.250 lao động. Trong đó lao động ở lĩnh vực công nghiệp, xây dựng là 64.251, nông nghiệp 9.718 người, dịch vụ 20.084 người.

2.2.2.1. *Thực trạng sử dụng lao động trong ngành nông nghiệp*

Bắc Ā ĩnh hiện nay vẫn là một tỉnh nông nghiệp với 42,8% lao động đang làm việc ở khu vực này. Hệ số sử dụng thời gian của lao động nông thôn Bắc Ā ĩnh mới đạt khoảng 80%, thời gian còn lại là nhàn rỗi không có việc làm, thiếu việc làm hoặc việc làm không ổn định.

Ở Bắc Ā ĩnh việc thu hồi đất nông nghiệp để xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị làm cho tình trạng thiếu việc làm càng trở nên nghiêm trọng.

2.2.2.2. *Thực trạng sử dụng lao động trong ngành công nghiệp*

Toàn tỉnh hiện có 15 khu công nghiệp tập trung, có 197 doanh nghiệp đi vào hoạt động, thu hút trên 44.500 lao động trong đó 53% lao động là người địa phương. Lao động làm việc tại các khu công nghiệp ở các trình độ rất khác nhau.

2.2.2.3. *Thực trạng sử dụng lao động trong ngành dịch vụ*

ãnh dịch vụ ở Bắc Ā ĩnh có nhiều tiến bộ, bước đầu hình thành đồng bộ các yếu tố thị trường. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội tăng bình quân 30,4% năm.

Lao động dịch vụ ở Bắc Ā ĩnh hiện nay hoạt động trong nhiều ngành, nhiều lĩnh vực khác nhau. Tuy nhiên ở khu vực này lao động chủ yếu là của bộ phận cá thể, tư nhân, chiếm khoảng 90% lao động.

2.2.3. Về hiệu quả sử dụng lao động

Từ năm 2005 cho đến nay do khai thác hiệu quả các nguồn lực của tỉnh trong đó có ả ả L qua đào tạo nên tổng sản phẩm trong tỉnh luôn đạt tốc độ tăng trưởng khá (trên 10%), năm 2010 đạt 14,86%.

Trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, tỷ trọng các ngành kinh tế thuộc khu vực nông - lâm - ngư nghiệp có xu hướng giảm dần (26,3% năm 2005 xuống 11% năm 2010), tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ có xu hướng tăng lên (45,9% năm 2005 lên 64,8% năm 2010). Sự tăng trưởng của nền kinh tế đang theo xu hướng phát triển năm sau cao hơn năm trước.

2.3. Đánh giá chung và những vấn đề đặt ra đối với việc sử dụng nguồn nhân lực ở Bắc Ninh

2.3.1. Đánh giá chung

2.3.1.1. Về thành tựu trong sử dụng nguồn nhân lực

Sự thay đổi nhận thức đối với ả ả L cùng với sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng uỷ, Uỷ ban ả hân dân tỉnh, trong thời gian qua sự nghiệp đào tạo và sử dụng ả ả L ở Bắc ả nh đã đạt những thành tích đáng kể.

Thứ nhất, Bắc ả nh đã có nhiều cố gắng để giải quyết vấn đề lao động việc làm.

Thứ hai, Tỉnh có nhiều chính sách quan trọng như mở rộng ưu đãi đầu tư thu hút doanh nghiệp vào tỉnh, nâng cấp mở rộng quy mô các trường dạy nghề và các loại hình đào tạo nghề.

Thứ ba, Bắc ả nh hiện đang đẩy mạnh công tác đào tạo nghề trong đó đặc biệt chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn và cho nông dân.

Thứ tư, tỉnh có chính nhiều chính sách quan trọng trong việc xuất khẩu lao động.

2.3.1.2. Những hạn chế trong sử dụng nguồn nhân lực

Một là, mất cân đối giữa nhu cầu giải quyết việc làm ngày càng lớn với khả năng giải quyết việc làm còn nhiều hạn chế.

Hai là, thiếu nghiêm trọng lao động có kỹ năng và mất cân đối trong cơ cấu trình độ nhân lực đã qua đào tạo chuyên môn nghề nghiệp.

Ba là, đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế không đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế thị trường.

Bốn là, tiềm năng nhân lực bị lãng phí và sử dụng không hiệu quả còn rất lớn, mức độ toàn dụng lao động ở Bắc ả inh còn thấp, sự phân bố lao động chưa hợp lý, hiệu quả khai thác, sử dụng chưa cao.

2.3.1.3. Nguyên nhân

Thực trạng sử dụng lao động đặc biệt là những mặt hạn chế của việc phân bố sử dụng lao động ở Bắc ả inh những năm vừa qua do một số nguyên nhân:

- * ả hận thức về việc làm, về nghề nghiệp chưa có sự thay đổi vượt bậc trong nhân dân.

- * Hệ thống trường dạy nghề còn ít, quy mô nhỏ, cơ sở vật chất còn thiếu, trình độ giáo viên còn yếu.

- * ả gân sách còn hạn hẹp, thu nhập của dân cư thấp nên nguồn tài chính dành cho đào tạo nghề và nuôi dưỡng nhân tài chưa cân xứng.

- * Bắc ả inh chậm chễ trong việc đổi mới cơ chế tuyển dụng ả ả L nên không kích thích được việc đào tạo lại để có thể nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và nâng cao hiệu quả sử dụng lao động.

2.3.2. Những vấn đề cần giải quyết trong thời gian tới

(1) Ổn định về số lượng và nâng cao về chất lượng ả ả L.

ả ả L ở Bắc ả inh đang đứng trước tình hình là thừa lao động, thiếu việc làm, mất cân đối giữa cung và cầu lao động trên thị trường hay còn gọi là tình trạng “thừa thầy, thiếu thợ”.

(2) Quan tâm nhiều hơn đến vấn đề hướng nghiệp.

Lao động chưa qua đào tạo chiếm hơn 60% lao động toàn tỉnh, thiếu trầm trọng lực lượng công nhân lành nghề trong khi đó nhiều sinh viên các ngành Khoa học Xã hội và ả hân văn lại đang thiếu việc làm hoặc làm trái nghề, dư thừa lao động phổ thông đang diễn ra khá phổ biến. ả nguyên nhân sâu xa của tình trạng này bắt nguồn từ nhiều yếu tố trong đó hướng nghiệp chưa được quan tâm đúng mức.

(3) Tái đào tạo nghề cho nông dân.

Ở Bắc ả inh hiện nay, trong quá trình đô thị hoá, Cả H (cụ thể là việc lấy đất nông nghiệp xây dựng các khu công nghiệp) đã biến lao động nông nghiệp thành những người thất nghiệp ngay bên cạnh mảnh đất của mình.

Vấn đề tạo việc làm cho nông dân mất ruộng là yêu cầu rất bức xúc hiện nay.

(4) ẩ ẩng cao chất lượng đào tạo nghề.

Đối với lao động nông thôn học nghề ngắn hạn nên hỗ trợ kinh phí nhằm khuyến khích và tạo thuận lợi nhất cho lao động nông thôn có nghề mới để chuyển đổi phương thức làm ăn, tăng thu nhập, phát triển kinh tế.

(5) Khai thác sử dụng, phát huy tiềm năng nhân lực ngày một đầy đủ và có hiệu quả hơn vào các mục tiêu KT - XH của Tỉnh.

Bắc ẩ ẩnh hiện nay có nhiều ưu thế và điều kiện để có thể phát huy khả năng của mình. ẩ hưng nếu chỉ dựa vào nỗ lực của bản thân họ thì chưa đủ biến khả năng của họ thành hiện thực. Do vậy rất cần có sự nhìn nhận, đánh giá, quan tâm, đầu tư đúng mức tránh lãng phí nguồn tài nguyên quý giá của quốc gia.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM SỬ DỤNG CÓ HIỆU QUẢ NGUỒN NHÂN LỰC CỦA BẮC NINH TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ GIAI ĐOẠN TỚI

3.1. Bối cảnh hiện nay và quan điểm sử dụng nguồn nhân lực nhằm phát triển kinh tế ở Bắc Ninh

3.1.1. Bối cảnh hiện nay

Trong 10 năm thực hiện chiến lược phát triển KT-XH 2001-2010 Bắc ả inh cùng với cả nước đã tranh thủ những thời cơ thuận lợi vượt qua nhiều khó khăn thách thức, đạt được thành tựu to lớn và rất quan trọng.

25 năm đổi mới, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển KT-XH 2001-2010 đã tạo cho đất nước thể và lực, sức mạnh tổng hợp lớn hơn nhiều so với trước. ả hững năm tới là giai đoạn kinh tế nước ta phục hồi, lấy lại đà tăng trưởng sau thời kỳ suy giảm, khắc phục những hạn chế yếu kém trong các lĩnh vực KT-XH.

Sau gần 15 năm xây dựng và phát triển Bắc ả inh đã đạt được những kết quả quan trọng. Quy mô, nguồn lực, kết cấu hạ tầng, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế được tăng cường, lực lượng lao động và doanh nhân phát triển, vị thế của tỉnh có bước tiến mới

Tuy nhiên, Bắc ả inh cùng cả nước đang đứng trước nhiều thách thức và khó khăn. ả hững năm tới cơ hội với tỉnh Bắc ả inh là rất lớn nhưng thách thức và khó khăn không nhỏ, đòi hỏi chính quyền và nhân dân tỉnh Bắc ả inh phải tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức đẩy mạnh phát triển KT - XH nhanh và bền vững.

3.1.2. Những quan điểm cơ bản về sử dụng nguồn nhân lực trong quá trình phát triển kinh tế ở Bắc Ninh

** Sử dụng tốt hơn nữa NNL ở Bắc Ninh.*

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII đã chỉ rõ: ả hà nước cùng với toàn dân ra sức phát triển, thực hiện tốt chiến lược KT - XH. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi công dân, mọi nhà đầu tư trong và ngoài nước, mở mang nhiều ngành nghề, tạo nhiều việc làm cho

người lao động, giảm nhanh số người chưa có hoặc thiếu việc làm. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

** Vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động là một trong những chiến lược phát triển bền vững.*

Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XVIII đã nêu ra quan điểm coi nguồn lực con người là nguồn vốn lớn nhất, quan trọng nhất trong tất cả các nguồn lực hiện có của tỉnh để phát triển kinh tế.

** Lấy hiệu quả sử dụng làm tiêu chuẩn và thước đo để xác định phương hướng, biện pháp sử dụng NNL.*

Quan trọng quan điểm của Đảng, con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển, chúng ta cần khai thác, phát huy tốt nhất những yếu tố tích cực của con người nhưng cũng không thể để đại bộ phận người lao động đứng ngoài thành quả chung của quá trình phát triển. Yêu cầu tất yếu đặt ra là phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa nhu cầu chất lượng lao động việc làm ngày một cao với số lượng lao động dư thừa đang có xu hướng tăng lên.

** Trong quá trình sử dụng ở L bên cạnh việc phát huy nhân tố con người cần chú trọng khai thác và phát huy các yếu tố văn hoá truyền thống của dân tộc và địa phương.*

3.2. Phương hướng và giải pháp nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực ở Bắc Ninh

3.2.1. Phương hướng sử dụng nguồn nhân lực

3.2.1.1. Phương hướng chung phát triển kinh tế của tỉnh trong giai đoạn tới

Trong Văn kiện trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ XVIII, đã chỉ ra phương hướng tổng quát đến năm 2020 là: “Tập trung mọi nguồn lực đẩy mạnh CNH, HĐH. Phát triển công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững. Xây dựng nông thôn mới; nâng cao chất lượng NNL và an sinh xã hội. Phấn đấu đến năm 2015 cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại và thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2020”.

3.2.1.2. Phương hướng sử dụng nguồn nhân lực

** Giải quyết việc làm, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội.*

Giải quyết việc làm bình quân hàng năm từ 26 - 27 nghìn lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị xuống còn 3,2%; tỷ lệ lao động nông nghiệp 30%; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo ở khu vực nông thôn là 45%. Đổi mới hoạt động ở các trung tâm giới thiệu việc làm, khuyến khích tổ chức các hội chợ, sàn giao dịch, giới thiệu việc làm, đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với những người có công và bảo trợ xã hội, hỗ trợ cho người nghèo. Triển khai các dự án nhà ở cho công nhân và người lao động có thu nhập thấp ở các khu công nghiệp.

* Phát huy tối đa nội lực ở địa phương, sử dụng hợp lý, có hiệu quả ở địa phương, đặc biệt chú ý ở địa phương qua đào tạo.

* Tích cực tạo việc làm mới và ổn định để thu hút được nhiều lao động, tăng quỹ thời gian được sử dụng ở nông thôn lên 85%.

* Tạo điều kiện để ở địa phương qua đào tạo có cơ hội làm việc rộng rãi, có chính sách thu hút, khuyến khích lao động được đào tạo về làm việc ở nông thôn. Mở rộng quy mô đi đôi với nâng cao chất lượng hiệu quả đào tạo.

3.2.2. Một số giải pháp nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực

3.2.2.1. Tạo nhiều việc làm mới để có thể toàn dụng lao động

Đề tạo việc làm thu hút được nhiều lao động cần tập trung làm tốt một số vấn đề sau:

Một là, chuyển dịch và phát triển cơ cấu kinh tế nông thôn trên cơ sở các lợi thế của địa phương. Muốn vậy cần:

- ă hanh chóng thực hiện việc giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hành lang pháp lý và xây dựng cơ sở hạ tầng vật chất để các dự án đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước vào tỉnh được thực thi có hiệu quả.

- Cho phép các tổ chức, cá nhân thuê đất lâu dài, tạo môi trường đầu tư thuận lợi để họ yên tâm phát triển sản xuất kinh doanh.

- Phát triển kinh tế hộ gia đình, làng nghề ở nông thôn, phát triển kinh tế trang trại, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nông thôn.

- Cho phép nông dân chuyển đổi mục đích sử dụng đất (chuyển một phần diện tích trồng lúa sang làm vườn hoặc làm trang trại có giá trị kinh tế cao).

Hai là, đẩy mạnh và khôi phục phát triển các làng nghề thủ công truyền thống và tạo nghề mới.

Ba là, khuyến khích phát triển khu vực kinh tế ngoài quốc doanh qui mô vừa và nhỏ.

Bốn là, đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

3.2.2.2. Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực

Việc nâng cao hiệu quả sử dụng ả ả L phụ thuộc vào nhiều yếu tố nhưng đề tài chỉ đề cập tới các vấn đề sau:

Thứ nhất, tạo lập duy trì mối quan hệ giữa cơ sở đào tạo, đơn vị tuyển dụng lao động và việc làm. Có thể thực hiện nội dung này theo những hướng sau:

- Gắn nội dung đào tạo với các doanh nghiệp.

- Trên cơ sở nhu cầu lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và xu hướng chung của cả nước, tỉnh uỷ, uỷ ban nhân dân tỉnh có thể giao chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo cho các cơ sở đào tạo nghề, các trường dạy nghề trên địa bàn thuộc phạm vi tỉnh quản lý.

Thứ hai, khơi dậy và nuôi dưỡng tính tích cực của người lao động.

3.2.2.3. Hình thành và phát triển thị trường lao động

Thị trường lao động với nghĩa chung nhất là một hệ thống trao đổi giữa người có việc làm hoặc tìm kiếm việc làm (cung lao động) với những người sử dụng lao động hoặc đang tìm kiếm lao động (cầu lao động).

Trên thị trường lao động người lao động tìm kiếm việc làm thông qua quan hệ thoả thuận với người sử dụng lao động về tiền lương, tiền công dưới hình thức hợp đồng lao động. Điều này góp phần làm cho việc sử dụng lao động ngày càng hợp lý và hiệu quả cao hơn, đồng thời khắc phục lãng phí trong đào tạo và sử dụng ả ả L.

3.2.2.4. Tiếp tục đổi mới cơ chế chính sách sử dụng NNL

Việc đổi mới cơ chế chính sách sử dụng ả ả L nhằm mục tiêu động viên, khai thác tiềm năng sáng tạo, tiềm năng trí tuệ, tạo điều kiện để mọi người có việc làm và tạo động lực để khuyến khích mọi người làm việc có hiệu quả. Cụ thể:

- *Đa dạng hoá hình thức tuyển dụng và sử dụng nhân lực.* Bên cạnh việc tuyển và sử dụng chính thức vào biên chế, tuyển dụng theo hợp đồng dài hạn và ngắn hạn còn có những hình thức tuyển dụng theo thời vụ theo yêu cầu của công việc.

- *Thực hiện chính sách tiền lương gắn với cơ chế thị trường.* Tiền lương là một công cụ quan trọng góp phần nâng cao tính tích cực của người lao động. Trên cơ sở xây dựng tiền lương theo cơ chế thị trường Bắc ĩnh cũng cần chú trọng tới sự phân hoá thu nhập của người lao động.

Các giải pháp nêu trên đối với việc sử dụng ấ ấ L có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, do vậy cần phải thực hiện một cách đồng bộ mới có thể đạt hiệu quả cao.

KẾT LUẬN

Qua những phân tích của luận văn có thể rút ra một số kết luận:

1. Phát triển kinh tế là một yêu cầu tất yếu của tất cả các quốc gia trên thế giới thể hiện quá trình vận động đi lên của xã hội. Lịch sử loài người đã trải qua những nền văn minh khác nhau thể hiện sự phát triển liên tục của loài người. Sự phát triển đó suy đến cùng là do sự phát triển của kinh tế mà có. Yếu tố trung tâm ẩn bên trong mọi sự phát triển chính là yếu tố con người - ả ả L.

2. Trong các giai đoạn phát triển của xã hội đã có nhiều quan điểm khác nhau về vai trò của ả ả L. Tuy nhiên cho đến nay ở hầu hết các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt ả am đã khẳng định vai trò quan trọng hàng đầu không thể thay thế của ả ả L. Một quốc gia không giàu có về tài nguyên thiên nhiên, chưa mạnh mẽ về khoa học công nghệ nhưng nếu có ả ả L có chất lượng thì vẫn có thể có các nguồn lực để phát triển đất nước. Do vậy việc sử dụng và phát huy thế mạnh của ả ả L có vai trò to lớn đang được ả hà nước, các địa phương và nhân dân rất quan tâm.

3. Bắc ả inh sau 15 năm tái thiết tỉnh đang trên đà tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ với mục tiêu tăng trưởng khá cao từ nay cho tới năm 2020 do vậy rất cần ả ả L đủ về số lượng mạnh về chất lượng. Với những điều kiện hiện có của mình thì việc sử dụng hiệu quả ả ả L có thể coi là “chìa khóa” để mở cửa thành công của Bắc ả inh.

4. Qua khảo sát hoàn cảnh cụ thể, đặc điểm và thực trạng sử dụng ả ả L trong thời gian qua ở Bắc ả inh cho thấy: Bắc ả inh có nhiều thuận lợi nhưng cũng có không ít khó khăn. Song Bắc ả inh đã có nhiều cố gắng trong việc sử dụng ả ả L để thúc đẩy kinh tế phát triển. Tuy nhiên kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, chưa đáp ứng yêu cầu. Tình trạng bất hợp lý trong đào tạo và sử dụng ả ả L cả về quy mô, cơ cấu, trình độ đang gây ra nhiều lãng phí và ảnh hưởng đến kết quả tăng trưởng, phát triển kinh tế và ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống của nhân dân.

5. Để khắc phục một cách có hiệu quả những hạn chế, đẩy mạnh việc khai thác sử dụng ả ả L trong tiến trình phát triển kinh tế Bắc ả inh đã có những phương hướng đúng đắn. Từ những phương hướng chung luận văn

đã nêu ra những phương hướng, giải pháp cụ thể của việc sử dụng ả ả L những năm tiếp theo.

6. Dưới góc độ nghiên cứu Kinh tế chính trị luận văn đã đề xuất một số giải pháp góp phần khắc phục tình trạng “vừa thừa, vừa thiếu” của ả ả L và bất hợp lý về qui mô, cơ cấu, trình độ ả ả L, khắc phục sự non kém về trình độ, sự bất hợp lý trong phân bố, sử dụng ả ả L, giải quyết mối quan hệ cung cầu trong đào tạo và sử dụng ả ả L trên thị trường lao động hiện nay để Bắc ả ả có thể khai thác hiệu quả nguồn lực quan trọng này trong sự nghiệp phát triển KT-XH của tỉnh nói riêng và sự nghiệp Cđ H, HĐH hóa của cả nước.